

Đoàn kết trong quan hệ quốc tế

Hoàng Khắc Nam^(*)

Tóm tắt: Đoàn kết luôn cần thiết trong bất kỳ hình thức nhóm nào của con người. Tuy nhiên, đoàn kết lại ít được đề cập đến trong quan hệ quốc tế. Trong bối cảnh do quan hệ quốc tế ngày càng phát triển, việc tìm hiểu chủ đề này sẽ góp phần cho việc nghiên cứu và ứng dụng đoàn kết trong quan hệ quốc tế. Bài viết tìm hiểu khái niệm đoàn kết, quan điểm về đoàn kết trong một số lý thuyết quan hệ quốc tế trên thế giới, đối chiếu khái niệm và quan điểm lý thuyết với thực tiễn để xem xét và đánh giá sự hiện diện của đoàn kết trong quan hệ quốc tế. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số nhận định về tư cách yếu tố phi vật chất của đoàn kết, ý nghĩa của đoàn kết đối với quốc gia và quan hệ quốc tế, cũng như những khó khăn trong việc thực hiện đoàn kết quốc tế. Đồng thời, bài viết cũng gợi mở thêm cho việc nghiên cứu đoàn kết trong quan hệ quốc tế.

Từ khóa: Đoàn kết, Yếu tố phi vật chất, Quan hệ quốc tế

Abstract: While solidarity matters to any form of human grouping, it is rarely discussed in international relations. Currently, due to the ever-developing international relations, studying this topic will contribute to the research and application of solidarity in international relations. This article explores the concept of solidarity, perspectives on solidarity in international relations theories worldwide, and compares theoretical concepts and viewpoints with reality to examine and evaluate the presence of solidarity in international relations. Based on this, it offers some insights into the non-material nature of solidarity, its significance for nations and international relations, and the difficulties in achieving international solidarity. The article also offers further suggestions for studying solidarity in international relations.

Keywords: Solidarity, Non-material Factor, International Relations

Ngày nhận bài: 26/02/2026; Ngày gửi phản biện: 10/4/2026; Ngày phản hồi: 20/4/2026;
Ngày duyệt đăng: 12/5/2026

1. Mở đầu

Đoàn kết là vấn đề lớn trong bất kỳ hình thức nhóm nào của con người nên đã được quan tâm từ lâu nhưng chủ yếu giới hạn trong phạm vi quốc gia. Đến thời hiện

đại, khi quan hệ quốc tế (QHQT) ngày càng phát triển, đoàn kết trong lĩnh vực này cũng bắt đầu được nói đến. Tuy nhiên, điều ngạc nhiên là thuật ngữ “đoàn kết” (*solidarity*) rất ít được nhắc đến trong văn bản chính sách đối ngoại cũng như tài liệu học thuật ở nước ngoài. Trong nghiên cứu lý thuyết cũng vậy, mặc dù phương Tây là cái nôi sinh ra các lý thuyết QHQT nhưng

^(*) GS.TS., Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;
Email: hknam84@yahoo.com

rất hiếm các nghiên cứu trực tiếp về đoàn kết trong QHQT.

Trong khi đó, ở Việt Nam, đoàn kết lại là một thuật ngữ được sử dụng khá phổ biến trong diễn ngôn chính trị. Các nghiên cứu trong nước chủ yếu tập trung vào vấn đề đoàn kết dân tộc. Vậy liệu đoàn kết có tồn tại trong QHQT không? Để làm rõ vấn đề trên, bài viết tìm hiểu khái niệm đoàn kết, sự quan tâm đến chủ đề này trong lý thuyết QHQT. Trên cơ sở đó, bài viết đối chiếu khái niệm và quan điểm lý thuyết với thực tế nhằm đánh giá sự hiện diện của đoàn kết trong QHQT; qua đó góp phần cho việc nghiên cứu và ứng dụng đoàn kết trong QHQT.

Để thực hiện nghiên cứu này, bài viết sử dụng chủ yếu phương pháp nghiên cứu tài liệu để tìm hiểu khái niệm và các quan điểm về đoàn kết quốc tế (ĐKQT). Cách tiếp cận từ các lý thuyết quan hệ quốc tế cũng được vận dụng để xem xét các hiện tượng tương tự ĐKQT trong thực tiễn. Cuối cùng, phương pháp đối chiếu lý thuyết với thực tiễn giúp đánh giá sự hiện diện của đoàn kết trong QHQT.

2. Khái niệm đoàn kết trong quan hệ quốc tế

Cho đến nay, chưa có khái niệm “đoàn kết” trong QHQT. Bước đầu xác định khái niệm “đoàn kết”, bài viết tìm hiểu các khái niệm chung về đoàn kết, từ đó căn cứ vào những đặc thù của môi trường quốc tế để rút ra khái niệm đoàn kết trong QHQT.

Trong Từ điển Merriam-Webster, đoàn kết được xác định là “sự thống nhất sinh ra hoặc dựa trên cộng đồng về lợi ích, mục tiêu và tiêu chuẩn” (<https://www.merriam-webster.com/dictionary/solidarity>). Trong Từ điển Cambridge, đoàn kết được coi là “sự thỏa thuận với nhau và sự hỗ trợ đối với các thành viên trong cùng một nhóm,

đặc biệt nhóm chính trị” (<https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/solidarity>). Theo Từ điển Tiếng Việt, đoàn kết có nghĩa là “kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung” (Viện Ngôn ngữ học, 2003: 328).

Qua các định nghĩa trên, có thể thấy giữa chúng có những điểm chung dù mỗi khái niệm vẫn có sự nhấn mạnh khác nhau. Khái niệm của Từ điển Merriam-Webster nói về cơ sở của sự đoàn kết, khái niệm của Từ điển Cambridge quan tâm đến hành vi phản ánh sự đoàn kết, còn khái niệm của Từ điển Tiếng Việt hướng đến mục đích chung của đoàn kết. Trong khi đó, cả ba khái niệm đều giống nhau ở chỗ coi trạng thái của đoàn kết là sự thống nhất của một tập hợp nào đó. Từ những điểm trên, chúng tôi luận giải thêm một số đặc trưng của đoàn kết để có thể soi chiếu vào QHQT như sau:

Thứ nhất, xét về biểu hiện, đoàn kết là sự tập hợp con người vào trong một nhóm xã hội nào đó. Sự tập hợp này thường dựa trên sự tương đồng giữa các thành viên. Tương đồng ở đây có thể về bản sắc, hoàn cảnh, mục tiêu, lợi ích, tư tưởng hay quan niệm... Sự tương đồng như vậy giúp đem lại tính chung của nhóm. Sự tập hợp này cũng phải dựa trên sự tự nguyện của các thành viên bởi đó là nguyên tắc giúp duy trì đoàn kết. Nhóm xã hội có nhiều quy mô (địa phương, liên vùng, quốc gia và quốc tế) và hình thức tập hợp khác nhau (nhóm, cộng đồng, phong trào, tổ chức...). Các hình thức này thường được xác định dựa trên nhiều yếu tố nhưng quan trọng nhất là khả năng phối hợp hoạt động để thực hiện mục tiêu chung.

Thứ hai, mục đích của đoàn kết là đạt được sự thống nhất giữa các thành viên để cùng thực hiện mục tiêu chung. Sự thống

nhất này được hình thành dựa trên lợi ích chung hay mục tiêu chung, các giá trị hay tư tưởng được cùng chia sẻ, hành động tập thể... Các quá trình đoàn kết có thể hướng tới một hay nhiều mục tiêu nói trên. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở những tương đồng trên thì chưa đủ để có được sự thống nhất. Giữa các thành viên cần có sự kết nối với nhau thông qua ý thức cùng thuộc về một nhóm, ý chí và sự phối hợp hoạt động để hiện thực hóa mục tiêu chung và trong nhiều trường hợp còn bao gồm cả tình cảm cộng đồng. Ý thức nhóm tạo ra sự gắn kết để biến tương đồng thành thống nhất. Ý chí mới biến nhận thức thành hành động phối hợp. Có phối hợp hoạt động thì mới tạo ra liên kết và những hành động tập thể để thực hiện mục tiêu chung.

Thứ ba, đoàn kết có hai chức năng để thực hiện các mục tiêu chung bao gồm chức năng đối nội và chức năng đối ngoại. Chức năng đối nội góp phần tạo ra sự ổn định trong quan hệ giữa các thành viên trong nhóm và với nhóm. Trong khi đó, chức năng đối ngoại giúp hình thành sức mạnh tập thể trong quan hệ với bên ngoài. Mọi quá trình đoàn kết thực chất đều hướng đến thực hiện hai chức năng đó. Các chức năng này làm nên vai trò và ý nghĩa quan trọng của đoàn kết. Đoàn kết trở thành một phương thức hữu ích và cần thiết để quản trị trong các nhóm xã hội và phối hợp hành động trong quan hệ với bên ngoài. Trong thực tiễn, có đoàn kết tập trung vào một trong hai chức năng, có đoàn kết hướng tới thực hiện đồng thời cả chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.

Thứ tư, đoàn kết vừa là quá trình, vừa là trạng thái. Đoàn kết là quá trình tiến tới thống nhất. Đó là quá trình chuyển từ cái riêng tới cái chung, đi từ tương đồng tới thống nhất. Đó cũng là quá trình phát triển

nhận thức, hình thành tâm lý nhóm và từ đó chuyển hóa thành hành động tập thể nhằm thực hiện các mục tiêu chung. Đoàn kết cũng là những trạng thái đạt được sự thống nhất ở mức độ nào đó giữa các cá nhân trong nhóm. Đoàn kết có nhiều mức độ khác nhau và đó cũng chính là những trạng thái khác nhau. Trạng thái cao nhất của đoàn kết chính là tạo được sự gắn kết giữa các thành viên, tình cảm đoàn kết, ý chí phối hợp và hành động tập thể để tạo sức mạnh chung trong quan hệ với bên ngoài như “một khối thống nhất”.

Thứ năm, hiện thực hóa đoàn kết đòi hỏi sự chủ động và sự tổ chức. Sự chủ động giúp tạo kết nối, còn sự tổ chức giúp duy trì và thúc đẩy đoàn kết nhằm thực hiện mục tiêu chung. Cả hai yếu tố này còn giúp xác định trạng thái và duy trì tính quá trình của đoàn kết. Không có chủ động và tổ chức, đoàn kết rất khó tồn tại. Đây là sự khác biệt lớn giữa con người với bầy đàn của các sinh vật khác.

Thứ sáu, khả năng bền vững của đoàn kết luôn đối mặt nhiều thách thức. Con người vốn đa dạng, khác biệt thường nhiều hơn tương đồng, nhiều cái riêng lớn hơn cái chung nên sự thống nhất về quan điểm, ý chí và khả năng phối hợp cùng nhau là không dễ dàng. Không những thế, con người lại có thể thay đổi những điểm trên trong quá trình thực hiện đoàn kết. Những điều trên luôn tồn tại nên tạo ra những trở ngại và luôn chứa đựng khả năng đe dọa phá vỡ đoàn kết. Hơn nữa, đoàn kết còn phụ thuộc vào hoàn cảnh, tình huống, vấn đề, quy mô, sự tổ chức và những tác nhân bên ngoài. Tất cả những yếu tố này đều có sự vận động và thay đổi nên khả năng bền vững của đoàn kết thường mang tính tương đối.

Thứ bảy, đoàn kết là một yếu tố phi vật chất và tồn tại trong các quan hệ xã hội.

Đoàn kết xuất phát từ tình cảm đoàn kết hay ý thức nhóm và hoàn toàn có thể phát triển lên thành tư tưởng đoàn kết. Chính từ nhận thức đó, đoàn kết mới hình thành các hành vi kết nối và hành động tập thể. Bên cạnh đó, đoàn kết còn bao hàm nhiều khía cạnh mang tính tinh thần như sự tự nguyện, tâm lý nhóm, sự sẵn sàng, quan niệm về giá trị, tình cảm cộng đồng... Vì vậy, đoàn kết có thể được xem là sản phẩm của nhận thức chủ quan và là một yếu tố phi vật chất. Chủ thể của đoàn kết là con người, trong khi hành động của con người luôn bắt đầu từ nhận thức. Đoàn kết giữa con người thường bao gồm sự đoàn kết giữa các cá nhân trong nhóm và đoàn kết của cá nhân đối với nhóm. Đó là đoàn kết xã hội và diễn ra trong quan hệ giữa con người với nhau.

Mặc dù các định nghĩa đoàn kết trên đều tập trung vào bối cảnh trong nước nhưng vẫn có thể được áp dụng vào QHQT bởi QHQT thực chất cũng là quan hệ giữa người và người. Nếu đoàn kết trong nước diễn ra giữa các công dân và những nhóm khác nhau thì đoàn kết trong QHQT (sau đây gọi là ĐKQT) được tiến hành bởi những con người hoặc nhóm người thuộc các quốc gia khác nhau. Theo đó, *ĐKQT chính là quá trình tập hợp lực lượng thuộc các quốc gia khác nhau trên cơ sở thống nhất quan điểm nhằm phối hợp thực hiện mục tiêu chung.*

3. Đoàn kết trong các lý thuyết quan hệ quốc tế

Các nghiên cứu lý thuyết QHQT hầu như không nhắc đến từ “đoàn kết”. Mặc dù vậy, tất cả các lý thuyết QHQT lớn đều ít nhiều đề cập đến những vấn đề có sự tương thuộc với ĐKQT.

Chủ nghĩa hiện thực có các luận điểm liên quan đến đoàn kết trên hai phương

diện. Trên phương diện quốc gia, lý thuyết này coi quốc gia là chủ thể có tính nhất thể (*unitary actor*). Theo đó, quốc gia luôn có sự thống nhất về lợi ích quốc gia trong quan hệ với các quốc gia khác. Bất kể trong nước có nhiều phe nhóm và ai nắm quyền, chúng đều có sự thống nhất trong các lợi ích và mục tiêu đối ngoại. Điều đó có nghĩa là Chủ nghĩa hiện thực coi thống nhất - một biểu hiện quan trọng của đoàn kết quốc gia - là đương nhiên trong vấn đề đối ngoại. Tuy vậy, không phải tất cả học giả của Chủ nghĩa hiện thực đều khẳng định điều này. Hans Morgenthau cho rằng, cần tính đến sự ủng hộ của công chúng và sự ổn định chính trị (Morgenthau và cộng sự, 1985), đây đều là những yếu tố phản ánh sự đoàn kết quốc gia.

Trên phương diện quốc tế, Chủ nghĩa hiện thực lại không tính đến ĐKQT giữa các quốc gia. Theo Chủ nghĩa hiện thực, với bản chất ích kỷ và tư lợi, mọi quốc gia khi tham gia QHQT đều theo đuổi lợi ích riêng và không chia sẻ được. Các nước đều theo đuổi chủ nghĩa dân tộc và luôn đặt lợi ích quốc gia lên trên hết. Hơn nữa, các quốc gia đều quan tâm tới lợi ích trong sự so sánh (lợi ích tương đối) hơn là lợi ích tuyệt đối. Khi tất cả các quốc gia đều theo đuổi lợi ích tương đối như vậy thì QHQT chủ yếu là xung đột. Trong bối cảnh đó, rõ ràng đoàn kết giữa các quốc gia khó có thể tồn tại trong QHQT vì thiếu cả mục đích chung lẫn cơ sở. Mặc dù vậy, lý thuyết này cũng đề cập đến một vài hình thức gắn kết và phối hợp hành động gần gũi với ĐKQT mà điển hình là đồng minh. Cơ sở của các hình thức này là kết hợp sức mạnh nhằm đối phó với kẻ thù chung.

Chủ nghĩa tự do là lý thuyết QHQT có nhiều quan điểm gần gũi nhất với ĐKQT. Trên phương diện quốc gia, so với Chủ

nghĩa hiện thực, Chủ nghĩa tự do chú ý nhiều đến các nhân tố đối nội và lực lượng trong nước. Lý thuyết này không coi quốc gia là nhất thể và cho rằng bên trong quốc gia bao gồm nhiều nhóm hay đảng phái khác nhau cùng tham gia hoạch định chính sách. Vì thế, chính sách đối ngoại thường là kết quả của đấu tranh, nhân nhượng và thỏa hiệp giữa các lực lượng trong nước. Đó là sự thống nhất cần đạt được dù chỉ là tương đối.

Trên phương diện quốc tế, Chủ nghĩa tự do có khá nhiều luận điểm quan trọng liên quan đến đoàn kết trong QHQT. *Một là*, lý thuyết này cho rằng bên cạnh quốc gia còn có các chủ thể phi quốc gia như tổ chức quốc tế, công ty xuyên quốc gia, các phong trào xã hội... Các chủ thể này được cho là ngày càng tăng và đều có xu hướng thúc đẩy hợp tác với nhau. Luận điểm này đã mở rộng thêm chủ thể tham gia ĐKQT. *Hai là*, Chủ nghĩa tự do cũng cho rằng bên cạnh lợi ích riêng còn có cả lợi ích chung trong QHQT. Đây chính là cơ sở và động lực quan trọng để hình thành nên ĐKQT luôn cần lợi ích chung. *Ba là*, lý thuyết này đề cao hợp tác quốc tế như xu thế lớn trong đời sống quốc tế. Xu thế hợp tác quốc tế sẽ tạo ra những mạng lưới xuyên quốc gia gắn kết con người với nhau trên khắp thế giới và đó chính là nền tảng thực tiễn để xây dựng ĐKQT. *Bốn là*, Chủ nghĩa tự do còn đề cao vai trò của thể chế gồm các tổ chức quốc tế và luật lệ quốc tế. Cả hai yếu tố thể chế này đều đóng vai trò tổ chức tương tác giữa các thành viên nhằm thúc đẩy hợp tác. Một sự hợp tác chung có tổ chức và được thể chế hóa sẽ nâng cao khả năng tiệm cận gần hơn đến ĐKQT. *Năm là*, quan điểm về hợp tác ngày càng tăng sẽ dẫn đến tình trạng phụ thuộc lẫn nhau. Sự phụ thuộc này làm tăng khả năng gắn kết

giữa các bên không chỉ trong lĩnh vực đối ngoại mà còn cả trong lĩnh vực đối nội. *Sáu là*, quan điểm về hội nhập quốc tế như hình thức hợp tác cao nhất giữa các nước. Trong hội nhập, có nhiều yếu tố tương thuộc với ĐKQT như mục tiêu chung, sự hình thành nhóm, ý chí hợp tác, phối hợp hoạt động, có sự chủ động nối kết và mức độ tổ chức đáng kể.

Chủ nghĩa kiến tạo vốn đề cao các yếu tố liên chủ quan (*inter-subjective*) trong giải thích các hiện tượng QHQT. Trong số các yếu tố này, bản sắc là yếu tố được nhấn mạnh nhiều và cũng liên quan nhiều đến đoàn kết trên cả hai phương diện quốc gia và quốc tế. Theo đó, thông qua quá trình tương tác, bản sắc chung sẽ được hình thành và đem lại sự tự nhận thức về nhóm. Bản sắc chung không chỉ tồn tại giữa các công dân trong nước để tạo nên bản sắc quốc gia-dân tộc mà hoàn toàn có thể hình thành giữa các quốc gia với nhau. Bản sắc chung là sự chia sẻ quan trọng để có thể hình thành ĐKQT. Bên cạnh đó, lý thuyết này còn đề cập đến chuẩn mực chung và giá trị chung. Trong đó, chuẩn mực chung sẽ đóng vai trò tổ chức nhất định trong việc duy trì sự gắn kết. Còn giá trị chung không chỉ là sự tương đồng mà còn là một mục tiêu chung cho ĐKQT. Bản sắc chung, chuẩn mực chung và giá trị chung là sự bổ sung có ý nghĩa về cơ sở nhận thức của tinh thần đoàn kết (Xem thêm: Wendt, 1999; Adler và cộng sự, 1998).

Chủ nghĩa Marx có một luận điểm nổi tiếng ảnh hưởng nhiều đến phong trào cộng sản quốc tế và các nước xã hội chủ nghĩa (XHCHN). Đó là “Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại” được ghi trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản năm 1848 (Marx & Engels, 1848). Khẩu hiệu này sau đó đã được Lenin bổ sung thành “Vô sản và các dân tộc bị áp

bức toàn thể giới liên hiệp lại”. Liên hiệp cũng là thuật ngữ rất gần gũi với ĐKQT khi hướng tới hình thành “khối thống nhất” để hành động tập thể nhằm lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản. Đó là cơ sở lý luận để sau này hình thành nên chủ nghĩa quốc tế vô sản và các Quốc tế Cộng sản trước năm 1945 nhằm đoàn kết giai cấp vô sản các nước trong mục tiêu chung chống chủ nghĩa tư bản.

Như vậy, tất cả các lý thuyết QHQT đều không nhắc trực tiếp đến từ “đoàn kết”. Theo chúng tôi, có ít nhất hai lý do: *Một là*, do cách hiểu về đoàn kết khá chung chung, thiếu cụ thể, thiên về khẩu hiệu nên các lý thuyết QHQT ít dùng thuật ngữ này. Dù lý thuyết là sự khái quát nhưng các thuật ngữ được sử dụng trong các lý thuyết QHQT đều cố gắng được xác định cụ thể và chính xác. *Hai là*, đoàn kết là trạng thái lý tưởng nhưng không dễ thực hiện, nhất là trong môi trường quốc tế vô chính phủ. Với chức năng hướng dẫn hành động, các lý thuyết QHQT thường tập trung nhiều hơn vào cách thức tiệm cận dần dần hơn là đi thẳng vào ĐKQT.

Như thế không có nghĩa là các lý thuyết QHQT không quan tâm đến ĐKQT. Lý thuyết là sự khái quát thực tiễn và hướng tới giải quyết các vấn đề của cuộc sống. Đoàn kết có ý nghĩa quan trọng đối với quốc gia và QHQT nên cũng được các lý thuyết chú ý đến. Tuy nhiên, với hai lý do nêu trên nên các lý thuyết này chỉ đề cập đến một số vấn đề gần gũi hoặc liên quan nhiều đến đoàn kết trong QHQT như đồng minh, liên hiệp, tổ chức quốc tế, hợp tác, hội nhập, lợi ích chung, mục tiêu chung, bản sắc chung...¹ Đó chính là những phản

ánh thực tế của ĐKQT trong các mức độ khác nhau.

4. Sự phản ánh đoàn kết trong quan hệ quốc tế

Như trên đã đề cập, ĐKQT là quá trình tập hợp lực lượng thuộc các quốc gia khác nhau trên cơ sở thống nhất quan điểm nhằm phối hợp thực hiện mục tiêu chung. Theo đó, chủ thể của quá trình này khá đa dạng, có thể là quốc gia, giai cấp, đảng phái chính trị, các nhóm xã hội... Do quốc gia là chủ thể chính trong QHQT nên sự đoàn kết giữa các quốc gia có ảnh hưởng nhiều nhất đến quốc gia và thế giới.

Mục tiêu của ĐKQT chủ yếu là lợi ích do QHQT bị chi phối bởi các động cơ và hành vi liên quan đến lợi ích. Để có thể thực hiện được ĐKQT, các lực lượng tham gia cần phải có lợi ích chung (gắn liền với lợi ích riêng) hơn là lợi ích chia sẻ (cùng đạt lợi ích riêng) vì lợi ích chung mới dễ tạo ra mục tiêu chung, đòi hỏi sự nối kết quan hệ và phối hợp hành động nhiều hơn. Trong thực tiễn QHQT, các lợi ích chung hay mục tiêu chung về an ninh-chính trị có thể tạo động lực ĐKQT mạnh hơn là kinh tế - nơi thường là lợi ích chia sẻ. Đoàn kết dễ đạt được hơn khi các bên tham gia cùng đối diện với sự đe dọa chung bởi việc “cùng chung cảnh ngộ”, nỗi lo ngại hay sự sợ hãi dễ tạo ra ý thức nhóm và tình cảm đoàn kết hơn. Tất nhiên, lợi ích gia tăng cũng có thể giúp tiến dần đến đoàn kết nhưng chưa chắc tạo ra tình cảm đoàn kết và ý thức nhóm. Bên cạnh lợi ích chung, đến thời hiện đại, giá trị chung cũng hiện diện nhiều lên trong QHQT và trở thành một loại mục tiêu chung cho ĐKQT.

Có một vài hình thức tập hợp trong QHQT gần gũi với ĐKQT. Đầu tiên là *hợp tác quốc tế* vốn là luận điểm chính trong Chủ nghĩa tự do. Hợp tác quốc tế rất phổ

¹ Các nội dung về lý thuyết xin tham khảo thêm: Hoàng Khắc Nam. (2017). *Lý thuyết Quan hệ quốc tế*. Nxb. Thế giới, Hà Nội.

biến trong lịch sử và là xu hướng lớn trong QHQT thời hiện đại. Trong hợp tác có hành vi phối hợp giống như trong ĐKQT. Tuy nhiên, hợp tác quốc tế thông thường chưa phải là ĐKQT bởi lợi ích chưa hẳn đã thống nhất. Sự kết nối giữa các bên chưa chắc đã tạo ra ý thức nhóm và các hành động tập thể. Hình thức hợp tác cao hơn là *hội nhập quốc tế*. Hội nhập diễn ra chủ yếu trong kinh tế và là thực tiễn phổ biến khắp thế giới sau Chiến tranh Lạnh. Hội nhập quốc tế gần gũi hơn với ĐKQT khi nhóm định hình rõ rệt hơn, sự nối kết thường xuyên hơn với mức độ tổ chức cao hơn. Hội nhập lâu bền và hiệu quả hoàn toàn có khả năng dẫn đến tinh thần đoàn kết trong nhóm. Tuy nhiên, để hội nhập quốc tế tiệm cận hơn đến ĐKQT thì còn cần thêm một số điều kiện khác như mục tiêu/lợi ích chung, bản sắc chung, ý chí hành động tập thể... Có lẽ hiện nay chỉ có Liên minh Châu Âu (EU) đạt được mức độ đoàn kết nhất định trong một số vấn đề.

Trong QHQT, *cộng đồng* cũng được đề cập đến như cộng đồng tộc người xuyên quốc gia, cộng đồng tôn giáo quốc tế, vốn là những thực thể đang tồn tại. Giữa các thành viên trong cộng đồng có những tương đồng về sắc tộc hay tôn giáo nên có điều kiện để hình thành ý thức nhóm và tinh thần đoàn kết. Một vài trường hợp cộng đồng này lại có sự tổ chức từ trên xuống, chẳng hạn như Tòa Thánh Vatican đối với Công giáo. Nhưng nói chung, cộng đồng này vẫn gặp trở ngại cho phối hợp hành động bởi sự chia rẽ theo quốc gia hay địa bàn sinh sống dù cũng có tinh thần đoàn kết trong một số trường hợp nhất định. Một số dạng cộng đồng khác cũng được đề cập đến như cộng đồng quốc tế trong quan điểm của Chủ nghĩa tự do hay cộng đồng an ninh của Chủ nghĩa kiến tạo. Tuy nhiên, đây là phương án đề ra cho tương lai chứ chưa tồn tại nên

chưa thể nói gì về ĐKQT trong những dạng cộng đồng này.

Phong trào xã hội là một dạng chủ thể phi quốc gia theo quan điểm của Chủ nghĩa tự do. Phong trào này theo đuổi các giá trị hơn là lợi ích. Có lẽ cũng vì động lực giá trị chưa đủ mạnh nên tính cố kết chưa cao và tính tổ chức cũng hạn chế. Thường phong trào xã hội xuất phát và hoạt động chủ yếu trong quy mô quốc gia nên nếu có sự phối hợp quốc tế thì cũng thường là rời rạc và thiên về sự ủng hộ lẫn nhau bằng lời nói là chính. Thực tiễn lịch sử cũng cho thấy, trong khi các giá trị theo đuổi vẫn được duy trì nhưng các phong trào xã hội thường ít liên tục và ít phối hợp quốc tế. Trong bối cảnh đó, ĐKQT cũng chưa hẳn đã tồn tại rõ ràng trong các phong trào này.

Tổ chức quốc tế là hình thức tập hợp lực lượng gần gũi với ĐKQT. Tôn chỉ mục đích của tổ chức thể hiện mục tiêu chung hay lợi ích chung của các thành viên. Các thành viên tham gia tổ chức hầu hết trên tinh thần tự nguyện. Tổ chức quốc tế hoạt động thường xuyên và có hiệu quả sẽ làm tăng ý thức nhóm và tinh thần đoàn kết. So với các hình thức trên, tính tổ chức của tổ chức quốc tế cao hơn do có các nguyên tắc và quy định để điều chỉnh quan hệ giữa các thành viên và với bên ngoài. Hoạt động của tổ chức quốc tế đều phản ánh đáng kể sự phối hợp và cả hành động tập thể của các thành viên. Những tổ chức được hình thành dựa trên cả những tương đồng về hoàn cảnh, chế độ chính trị và trình độ phát triển kinh tế, chia sẻ giá trị chung và bản sắc văn hóa - xã hội thì dễ hình thành được bản sắc chung và từ đó sẽ có được ý thức nhóm và tinh thần đoàn kết. EU hiện nay là một tổ chức hiếm hoi đạt được khả năng này trong khi mới manh nha hình thành ở một số tổ chức khu vực hoặc tổ chức nghề nghiệp khác. Trong

số này, liên hiệp (*union*) là hình thức tổ chức quốc tế phản ánh nhiều điểm gần gũi với ĐKQT nhất. Tuy nhiên, thực tiễn lịch sử cho thấy, các tổ chức quốc tế cũng rất đa dạng về nhiều khía cạnh nên cũng khó trở thành một “khối thống nhất” như trạng thái lý tưởng của ĐKQT. Đó là chưa kể có nhiều tổ chức đa mục tiêu nên cũng không thể có được sự đoàn kết trong mọi lĩnh vực hay vấn đề.

Đồng minh là hình thức tập hợp lực lượng đậm nét nhất. Đồng minh có những mục tiêu chung cụ thể mà thường là để đối phó với mối đe dọa chung về an ninh-chính trị. Chúng có những thỏa thuận rõ ràng về phối hợp hoạt động và hành động tập thể nhưng chỉ trong những tình huống nhất định khi an ninh của thành viên bị xâm phạm từ bên ngoài. Khi mối đe dọa chung đó không còn thì đồng minh hoàn toàn có thể bị giải tán (Walt và cộng sự, 1990). Trong lịch sử, nhiều trường hợp đồng minh chỉ là một hiệp ước cam kết hành động trong những tình huống an ninh cụ thể mà không có cơ cấu tổ chức. NATO là trường hợp đồng minh hiếm hoi có tổ chức, tồn tại lâu dài kể cả khi không bị đe dọa chung và gần với ĐKQT nhất khi giữa các thành viên chia sẻ nhiều tương đồng. Tuy nhiên, mục tiêu hạn hẹp trong những tình huống an ninh cụ thể và sự phối hợp trong đồng minh dựa trên lợi ích là chính nên ĐKQT ở đây nếu có thì cũng bị giới hạn.

Như vậy, ĐKQT là một thực tế khá khó khăn. Nói như thế không có nghĩa ĐKQT không tồn tại. ĐKQT vẫn có trong nhiều trường hợp song phương, như đoàn kết giữa Việt Nam và Lào là một ví dụ. Thường ĐKQT khó khăn trong những tập hợp lớn có tính đa phương vì hàng loạt lý do. *Một là*, thế giới quá rộng lớn và hết sức đa dạng. Sự chia cắt thế giới thành quốc gia hàng trăm năm đã hạn chế tương tác

thường xuyên. Từ đó, dẫn đến tình trạng khác biệt nhiều hơn tương đồng và làm hạn chế cơ sở của ĐKQT. *Hai là*, thế giới luôn trong tình trạng vô chính phủ, không có chính quyền nào trên các quốc gia. Thực tế đó khiến không có thế lực nào đủ tư cách, thẩm quyền và tạo được đủ sự tin cậy để đứng ra tổ chức ĐKQT. Vì thế, ĐKQT diễn ra theo chiều ngang vốn khó khăn hơn vì thiếu tổ chức hơn là từ trên xuống như đối với đoàn kết bên trong quốc gia. *Ba là*, trong QHQT, các chủ thể thường tính toán duy lý và theo đuổi lợi ích là chính. Do sự chi phối của chủ nghĩa quốc gia-dân tộc, các lợi ích này thường là lợi ích riêng nhiều hơn là lợi ích chung, là lợi ích tương đối hơn là lợi ích tuyệt đối. Thực tế này khiến ĐKQT khó có được sự thống nhất lợi ích và mục tiêu bền vững và lâu dài. *Bốn là*, các chủ thể thường theo đuổi và ưu tiên các lợi ích vật chất hơn là các giá trị tinh thần. Điều này cũng làm ảnh hưởng nhiều đến sự hình thành tình cảm đoàn kết và duy trì cơ sở tinh thần cho sự đoàn kết.

5. Kết luận

Đoàn kết là yếu tố phi vật chất bởi nó xuất phát đầu tiên từ trong nhận thức chủ quan của con người. Ít nhất, đó là nhận thức về việc có chung những tương đồng và sự cần thiết phải tiến hành đoàn kết. Đoàn kết được hiện thực hóa bắt đầu bằng ý chí sẵn sàng phối hợp hành động. Quá trình đoàn kết được nuôi dưỡng bằng ý thức nhóm, tinh thần hay tình cảm đoàn kết. Dù đoàn kết trong QHQT bị ảnh hưởng nhiều bởi hoàn cảnh và vật chất song các yếu tố liên chủ quan nói trên là không thể thiếu đối với đoàn kết. Dù đoàn kết được coi là yếu tố phi vật chất nhưng nó luôn gắn liền với các hành động thực tế. Nhận thức, tinh thần và hành vi luôn có sự tác động qua lại với nhau trong quá trình đoàn kết.

Đoàn kết có ý nghĩa lớn đối với quốc gia và QHQT. Đoàn kết trong nước giúp duy trì ổn định trong nước và giúp nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia. ĐKQT giúp tạo môi trường bên ngoài thuận lợi, có thêm ngoại lực và sự ủng hộ quốc tế. Thúc đẩy ĐKQT là cách thức kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, là cách thức thực hiện lợi ích quốc gia trong QHQT và góp phần nâng cao vị thế quốc tế. Với chức năng và vai trò như vậy, đoàn kết trở thành một mục tiêu quan trọng trong chính sách của các chủ thể QHQT cả về đối nội lẫn đối ngoại.

Do sự đa dạng của thế giới, tính vô chính phủ của môi trường quốc tế, sự chi phối của lợi ích và vật chất trong QHQT, ĐKQT tồn tại khá khó khăn trong QHQT. Vì thế, thuật ngữ này ít xuất hiện trong chính sách và lý thuyết vốn là nơi cần cụ thể và hướng dẫn hành vi trong thực tiễn. Đa phần ĐKQT thường chỉ dừng ở mức tập hợp lực lượng trong các hình thức phong trào xã hội, cộng đồng xuyên quốc gia, hội nhập quốc tế, tổ chức quốc tế và đồng minh. Các hình thức này chỉ là “tiền ĐKQT” do có khả năng tiệm cận tới ĐKQT, nhưng vẫn thiếu những đặc trưng nào đó của ĐKQT như ý thức nhóm, tinh thần đoàn kết, tình cảm cộng đồng, ý chí sẵn sàng hành động, sự phối hợp hoạt động...

Do những khó khăn và thực tế như vậy, ĐKQT là trạng thái lý tưởng. Nhưng điều đó không có nghĩa là ĐKQT không thể đạt được. Thực tiễn cho thấy, đoàn kết có tồn tại trong QHQT. Sự tồn tại này chủ yếu nằm trong tâm lý, mục tiêu chính sách, cố gắng kết nối và một số dạng thức “tiền ĐKQT”. Cũng tồn tại những trường hợp ĐKQT đúng nghĩa của nó cho dù chưa phổ quát và chưa trở thành xu thế vững chắc.

Dù ĐKQT chỉ là tương đối, nhưng có được mức độ nào đó vẫn tốt hơn là không

có gì. Do đó, trong các diễn ngôn chính trị vẫn có những lời kêu gọi và những cố gắng hành động thực tế tiến đến ĐKQT. Bên cạnh tầm quan trọng của ĐKQT đối với mọi quốc gia, việc xuất hiện nhiều vấn đề toàn cầu, vấn đề xuyên quốc gia vốn đang được “an ninh hóa” sẽ góp phần thúc đẩy những cố gắng này. Để xác định và đánh giá đoàn kết trong QHQT, cần dựa trên một số yếu tố chính như ý thức nhóm hay bản sắc nhóm như cơ sở ban đầu, mục tiêu chung là cái đích để cùng hướng tới, tình cảm đoàn kết như sự kết nối tinh thần giữa các thành viên, ý chí phối hợp hành động để hiện thực hóa, các hành vi tập thể để thực hiện mục tiêu chung, sự tổ chức, kết quả hay các trạng thái đạt được của ĐKQT trong từng giai đoạn □

Tài liệu tham khảo

- Cambridge dictionary*. <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/solidarity>
- Marx, K., & Engels, F. (1848). *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Merriam-Webster dictionary*. <https://www.merriam-webster.com/dictionary/solidarity>
- Morgenthau, H. J., & Thompson K. W. (1985). *Politics among nations: The struggle for power and peace* (6th ed.). McGraw-Hill.
- Viện Ngôn ngữ học. (2003). *Từ điển Tiếng Việt*. Nxb. Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.
- Walt, S.M. (1990). *The origins of alliance*. Cornell University Press.
- Wendt, A. (1999). *Social theory of international politics* (Vol. 67). Cambridge University Press.